

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1125/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu :

- Bà Đỗ Thị A, sinh năm 198x; Địa chỉ: Đường P, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 199x; Địa chỉ: Thôn O, xã E, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào trích lục kết hôn số x/TLKH-BS ngày x/x/202x do Ủy ban nhân dân xã E, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai cấp thì bà Đỗ Thị A và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau khi cưới một thời gian ngắn, ông L đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài khoảng 4 năm nên vợ chồng ít có sự gắn bó và quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ đó vợ chồng có những khoảng cách. Sau đó, khi vợ chồng sống chung lại thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không có sự tôn trọng lẫn nhau dẫn đến tình cảm nhạt dần, thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung rất mệt mỏi nên yêu cầu Tòa công nhận thuận tình ly hôn. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện và không trái pháp luật nên được công nhận.

- Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Nhật I – sinh ngày x/x/201x và Nguyễn Thị Thanh M – sinh ngày x/x/201x. Hai bên thỏa thuận trẻ I ở với ba, trẻ M ở với mẹ. Nhận thấy, thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật và trẻ I có nguyện vọng ở với mẹ và 02 con chung cũng có ý kiến theo thỏa thuận của 2 bên nên ghi nhận sự thỏa thuận này.

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét

- Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà A, ông L chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị A và ông Nguyễn Văn L thuận tình ly hôn.

1.2/ Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Nhật I – sinh ngày x/x/201x cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao trẻ Nguyễn Thị Thanh M – sinh ngày x/x/201x cho bà Đỗ Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con và phương thức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thực hiện.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

1.4/ Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Đỗ Thị A và ông Nguyễn Văn L chịu toàn bộ và được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án do hai bên đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/00324x ngày x/x/202x của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
 - VKSND quận Tân Bình;
 - CCTHADS quận Tân Bình;
 - UBND xã E, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai;
- (để ghi vào sổ hộ tịch) theo trích lục kết hôn
sốx/TLKH-BS ngày x/x/202x;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Mai Thị Bích Thảo